

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 17-8-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Văn

Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người nhận ủy quyền của bà Bùi Thị Đ: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số A DTCV, khóm A, phường A, thành phố Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thanh T (*tên gọi khác Đặng Thị T*), sinh năm 1975 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, bà Bùi Thị Đ trình bày:*

Bà Đ yêu cầu bà T cùng chồng là Trương Văn B trả cho bà số tiền còn nợ là 284.060.000 đồng.

**Tại biên bản hòa giải ngày 24/3/2020 cũng như tại phiên tòa ông Trần Văn Đ là người nhận ủy quyền của bà Bùi Thị Đ trình bày:*

Ông Đ yêu cầu bà T cùng ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Đ số tiền hui còn nợ theo công văn trả lời ngày 14/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thới Bình là 284.060.000 đồng.

**Tại bản tự khai ngày 24/3/2020, biên bản hòa giải ngày 24/3/2020 bà Đặng Thanh T trình bày:*

Bà T thừa nhận còn nợ bà Bùi Thị Đ số tiền hui là 284.060.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay vợ chồng bà T chưa thanh toán.

Tại buổi hòa giải, bà T thống nhất cùng chồng là ông Trương Văn B thanh toán cho bà Bùi Thị Đ số tiền nợ còn lại là 284.060.000 đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Bà Đ yêu cầu bà Đặng Thanh T cùng chồng là ông Trương Văn B có nghĩa vụ thanh toán số tiền hui còn nợ là 284.060.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận có nợ bà Đ số tiền hui 284.060.000 đồng và thống nhất cùng chồng là ông B thanh toán cho bà Đ. Do đó, có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T cùng ông B phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho bà Đ. Án phí dân sự do bà T cùng ông B phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thanh T và ông Trương Văn B phải thanh toán số tiền nợ hui là 284.060.000 đồng. Do bà T và ông B có địa chỉ tại ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên yêu cầu khởi kiện của bà Đ thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về việc Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông B nhưng ông B vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà T, vào ngày 12/6/2020 bà T có yêu cầu xin vắng mặt tại vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ là người nhận ủy quyền của bà Đ yêu cầu bà T cùng ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ số tiền hui còn nợ là 284.060.000 đồng theo công văn trả lời số 86 ngày 14/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thới Bình. Xét thấy, yêu cầu trả nợ của bà Đ là có cơ sở. Bởi vì, hợp đồng góp hui giữa bà Bùi Thị Đ và bà Đặng Thanh T thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận, cụ thể như sau: Vào ngày 03/01/2018 bà Đ có đơn yêu cầu gửi Công an huyện Thới Bình để yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ của bà T. Quá trình điều tra, tại biên bản ghi lời khai ngày 02/02/2018, biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2018 của Công an xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và Công văn số 86 ngày 14/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thới Bình bà T thừa nhận nợ bà Đ số tiền hui còn lại là 284.060.000 đồng và mỗi năm sẽ thanh toán cho bà Đ số tiền từ 3.000.000 đồng trở lên. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên bà Đ khởi kiện đến Tòa án. Tại bản tự khai ngày 24/3/2020, biên bản hòa giải ngày 24/3/2020 và các biên bản ghi lời khai của bà T vào ngày 26/3/2020, ngày 12/6/2020, bà T thừa nhận còn nợ bà Đ tổng số tiền hui là 284.060.000 đồng nhưng do bà T còn nợ nhiều người và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay bà T chưa thanh toán xong số tiền hui cho bà Đ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có thông báo cho ông B biết về yêu cầu của bà Đ yêu cầu ông B cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà T nhưng ông B không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của bà Đ và vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định ông B là chồng bà T, vợ chồng chung sống với nhau khoảng 25 năm tại ấp

B, xã TLB và tại biên bản hòa giải ngày 24/3/2020 bà T thống nhất cùng ông B thanh toán nợ cho bà Đ.

Từ những căn cứ nêu trên buộc bà T cùng ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ tổng số tiền hui còn nợ là 284.060.000 đồng.

Đối với lãi suất: Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà Đ không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền hui. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Bà T và ông B phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thanh T và ông Trương Văn B phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Đ về việc yêu cầu bà Đặng Thanh T và ông Trương Văn B thanh toán nợ hui.

1. Buộc bà Đặng Thanh T và ông Trương Văn B thanh toán cho bà Bùi Thị Đ tổng số tiền hui nợ là 284.060.000 đ (Hai trăm tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Thị Đ (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Đặng Thanh T và ông Trương Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thanh T và ông Trương Văn B phải nộp 14.203.000 đ (*Mười bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Bà Bùi Thị Đ không phải chịu án phí, ngày 25/12/2019 bà Bùi Thị Đ có dự nộp 7.102.000đ (*Bảy triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng*) theo biên lai số 0010842 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho bà Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà T và ông B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang